

Số: 695 /QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu  
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

*Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BNNMT ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;*

*Căn cứ văn bản số 1708/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Xét Báo cáo đánh giá ngày 15/5/2025 và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT cho 02 sản phẩm (Super Acid; NH ACID) của Công ty TNHH MTV TM Phát triển Nam Hoa, địa chỉ tại: Số 33 Đường 50C, Khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH MTV TM Phát triển Nam Hoa được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

**Điều 3.** Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH MTV TM Phát triển Nam Hoa; tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc Lê Văn Yên;
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY**  
(Kèm theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2025  
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

| STT | Tên sản phẩm                | Mã hồ sơ                   | Phòng thử nghiệm                                                                   | Kết quả thử nghiệm      |                  |         |                   |
|-----|-----------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------|---------|-------------------|
|     |                             |                            |                                                                                    | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị           | Kết quả | Phương pháp thử   |
| 1   | Super Acid<br>(HQ.25.02111) | BNNPTN<br>T292500<br>34327 | Trung tâm<br>Khảo<br>nghiệm,<br>Kiểm<br>nghiệm,<br>Kiểm định<br>thủy sản<br>Vùng I | Asen (As) vô cơ         | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                             |                            |                                                                                    | Chì (Pb)                | mg/kg (LOQ=0,6)  | <0,6    | TCVN 9588:2013    |
|     |                             |                            |                                                                                    | Cadimi (Cd)             | mg/kg (LOQ=0,15) | <0,15   | TCVN 9588:2013    |
|     |                             |                            |                                                                                    | Thủy ngân (Hg)          | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                             |                            |                                                                                    | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                             |                            |                                                                                    | <i>Salmonella</i> spp.  | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |
| 2   | NH ACID<br>(HQ.25.02112)    |                            |                                                                                    | Asen (As) vô cơ         | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                             |                            |                                                                                    | Chì (Pb)                | mg/kg (LOQ=0,6)  | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                             |                            |                                                                                    | Cadimi (Cd)             | mg/kg (LOQ=0,15) | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                             |                            |                                                                                    | Thủy ngân (Hg)          | mg/kg (LOQ=0,05) | <0,05   | EN 16277:2012     |
|     |                             |                            |                                                                                    | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                             |                            |                                                                                    | <i>Salmonella</i> spp.  | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |

Ghi chú: KPH - không phát hiện